TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 67/2024/DS-ST
Ngày 30-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tấn Bình;

Ông Nguyễn Văn Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị Ngọc N, sinh năm 1985; nơi thường trú: Ấp R, xã A, thành phố B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Tổ D, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1974; nơi thường trú: Tổ H, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2024, biên bản lấy lời khai ngày 11-3-2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc N trình bày:

Bà N và ông T không có mối quan hệ thân thiết, chỉ quen biết nhau. Ngày 23-10-2022, bà N cho ông T vay số tiền 70.000.000 đồng và trả góp vào ngày 15 dương lịch hàng tháng. Ngày 15-11-2022, ông T trả cho bà N số tiền gốc 5.000.000 đồng, từ ngày 15-11-2022 đến nay ông T không trả cho bà N một khoản nào khác. Đã nhiều lần bà N yêu cầu ông T thanh toán số tiền 65.000.000 đồng là tiền nợ gốc còn lại nhưng bà N cố tình không trả. Hiện nay số tiền bà N còn nợ tôi là 65.000.000 đồng. Bà N yêu cầu ông T trả cho tôi số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng, bà N không yêu cầu tính lãi. Bà N được

biết ông Phạm Thanh T hiện đang cư trú tại tổ H, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy vay tiền đề ngày 23-10-2022 (bản phô tô đã đối chiếu).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Thanh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà N khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng). Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Thanh T cư trú tại tổ H, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: bị đơn ông Phạm Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T trả số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy cho vay tiền ngày 23 tháng 10 năm 2022.

[2.2] Bị đơn ông Phạm Thanh T quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Thanh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên Toà án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

[2.3] Xét nội dung giấy vay tiền có tiêu đề là "Giấy cho vay tiền" đề ngày 23-12-2022 thể hiện số tiền vay là 70.000.000 đồng, thời hạn cho vay: có sự thỏa thuận giữa 02 bên, bên cho vay sẽ báo trước, không thỏa thuận lãi suất vay, có chữ ký chữ viết của ông T ở phần bên vay, có chữ ký chữ viết của bà N ở phần bên cho vay. Do đó bà N kiện ông T thanh toán số tiền 65.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Về nội dung thỏa thuận "thời điểm thanh toán gốc bên A sẽ báo cho bên B trước …… ngày" nội dung này có nghĩa là: "khi cần tiền bà N sẽ báo trước cho ông T một khoảng thời gian". Tuy nhiên, khi bà N thông báo cho ông T trả số tiền trên, ông T đã hẹn nhiều lần và cố tình không trả. Xét thấy bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến, phản đối gì đối với lời trình bày của nguyên đơn vì vậy đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2.5] Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay 65.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 96, các Điều 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc N đối với bị đơn ông Phạm Thanh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Phạm Thanh T có trách nhiệm trả cho bà Hà Thị Ngọc N số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Thị Ngọc N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Hà Thị Ngọc N số tiền 1.625.000 (một triệu sáu trăm hai lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003427 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông Phạm Thanh T phải chịu 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai